

Ảnh hưởng của học vấn đến sự tham gia và quyền ra quyết định của phụ nữ nông thôn tỉnh Quảng Ngãi trong thiết chế gia đình

(Qua nghiên cứu 3 xã thuộc tỉnh Quảng Ngãi)

TRẦN THỊ KIM

Học vấn là một giá trị từ lâu đã được nhân dân ta rất coi trọng. Đặc biệt trong công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, học vấn là điều kiện tiên quyết giúp các nhóm xã hội có điều kiện nâng cao năng lực, tạo cơ hội thuận lợi cho họ có thể phát huy hết khả năng vốn có trong công cuộc đổi mới đất nước hiện nay.

Là một nước có nền kinh tế nông nghiệp chưa phát triển, Việt Nam có khoảng 78% số người trong độ tuổi lao động sống ở nông thôn, trong đó lao động nữ chiếm trên 60%, họ cần cù lao động trong sản xuất, nhanh nhẹn trong kinh doanh, chịu khó đảm đương công việc nội trợ ở gia đình. Tuy nhiên, cho đến hiện nay nhóm phụ nữ nông thôn vẫn còn có những hạn chế nhất định, trong quá trình vươn lên để hòa nhập chung vào tiến trình đổi mới đất nước. Một trong những rào cản cơ bản là trình độ học vấn của phụ nữ nông thôn còn thấp.

Xuất phát từ những ý tưởng cho rằng, học vấn thấp là nguyên nhân làm trầm trọng thêm sự đói nghèo, ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững ở nông thôn hiện nay. Chúng tôi quan tâm đến học vấn phụ nữ nông thôn - nhóm phụ nữ đang chịu nhiều thiệt thòi trong công cuộc đổi mới, nghiên cứu ảnh hưởng của học vấn đến sự tham gia và quyền ra quyết định của người phụ nữ trong gia đình hiện nay như một yêu cầu bức xúc của đời sống.

Tỉnh Quảng Ngãi thuộc vùng duyên hải miền Trung, được chọn là địa bàn khảo sát của đề tài nghiên cứu. Quảng Ngãi là một tỉnh có dân số nông thôn chiếm tới 88,96%, trong đó tỷ lệ nữ chiếm trên một nửa số dân. Tỷ lệ phụ nữ sống ở nông thôn và hoạt động trong khu vực nông nghiệp tương đương tỷ lệ chung toàn tỉnh.

Bài viết này dựa trên kết quả nghiên cứu, tổng hợp từ nhiều nguồn tài liệu khác nhau trong đó có cuộc điều tra xã hội học tại 3 xã đại diện cho 3 vùng sinh thái tại miền núi, đồng bằng và ven biển thuộc tỉnh Quảng Ngãi: xã Sơn Thành (Sơn Hà), Nghĩa Kỳ (Tư Nghĩa) và Tịnh Khê (Sơn Tịnh). Tổng số mẫu điều tra bằng bảng hỏi là 298 người, phỏng vấn sâu 30 trường hợp, tiến hành 6 cuộc thảo luận nhóm tập trung; trong đó có 131 nữ chiếm 44%. Sau đây là một số đặc điểm của mẫu điều tra:

- Theo vùng sinh thái: nông thôn đồng bằng có 98 người, (32%) miền núi 100 người, (33,6%); ven biển 99 người, (33,2%).

- Theo độ tuổi: có 17,1% thuộc nhóm từ 21 - 30 tuổi; 30,2% nhóm 30 - 39 tuổi, 32,9% nhóm 40 - 49 tuổi; 19,8% nhóm trên 49 tuổi.

Trình độ học vấn của nữ giới trong mẫu điều tra thấp hơn nam giới (nhất là tỷ lệ người không biết đọc biết viết). Chi tiết các nhóm học vấn của mẫu điều tra nữ cụ thể như sau: 13,0% phụ nữ chưa biết đọc biết viết, tỷ lệ này ở nam giới là 4,2%, trình độ tiểu học nữ có tỷ lệ cao hơn nam 42,7% so với 36,7%. Trình độ trung học cơ sở nữ có tỷ lệ thấp hơn nam: 22,9% so với 36,1%. Riêng trình độ phổ thông trung học nữ có tỷ lệ xấp xỉ với nam 21,4% so với 22,9%.

- Về trình độ chuyên môn: có 75,5% lao động không qua đào tạo; 3,7% sơ cấp; 7,7% trung cấp; 7,4% cao đẳng đại học.

- Về nghề nghiệp: trong mẫu điều tra có 63,8% làm nông nghiệp; 4,4% thợ thủ công và buôn bán; 0,3% là công nhân; 12,8% là cán bộ viên chức nhà nước; 0,3% học sinh; 3,4% không nghề nghiệp; 0,3% lực lượng vũ trang; 14,4% đánh bắt hải sản.

Bài viết này sẽ tập trung phân tích ảnh hưởng của học vấn đến sự tham gia và quyền ra quyết định của phụ nữ nông thôn ở một số công việc trong gia đình hiện nay.

1. Học vấn ảnh hưởng đến sự tham gia của phụ nữ ở một số công việc sản xuất

Không có sự chênh lệch đáng kể giữa nam và nữ về tỷ lệ chồng và vợ ai là người làm ruộng chính trong gia đình. 70% người được hỏi cho rằng vợ và chồng là người làm ruộng chính trong gia đình. Tương tự như vậy tỷ lệ chồng và vợ đều là người làm vườn chính theo trả lời của nam và nữ có tỷ lệ tương ứng (37,7%; 51,2%).

Riêng đối với công việc chăn nuôi có 51,0% nam giới cho rằng công việc này người vợ làm là chính; trong khi đó có tới 65,4% nữ giới cho rằng công việc này vợ làm là chính. Việc chăn nuôi, mang lại thu nhập đáng kể cho gia đình, người phụ nữ đảm nhận chính từ trước đến nay. Điều này cũng rất phù hợp khi phân tích tài liệu phỏng vấn sâu: "*Chăn nuôi trong gia đình là do vợ tôi đảm nhận chính, việc chăm sóc súc vật phù hợp với phụ nữ nhiều hơn*".

Phân tích vai trò giới trong kinh doanh, chúng ta thấy có sự khác biệt rõ rệt về tỷ lệ buôn bán chính trong gia đình; 75,0% nữ giới cho rằng họ là người buôn bán chính (chồng chỉ có 6,3%). Trong khi đó 66,7% nam giới cũng cho rằng trong hoạt động buôn bán, người phụ nữ vẫn đảm nhiệm chính (bảng 1).

Đối với việc chăn nuôi, kết quả điều tra cho biết những người có trình độ học vấn trung học cơ sở trả lời có tới 61,5% chăn nuôi chính trong gia đình hiện nay là do người vợ đảm nhiệm. Trong khi đó tỷ lệ này ở những người có trình độ trung học phổ thông chỉ còn 48,6%.

Chồng và vợ có trình độ học vấn trung học cơ sở có tỷ lệ làm ruộng, làm vườn thấp hơn so với chồng và vợ có trình độ học vấn tiểu học (29,4% so với 49,4%); (20%

so với 48,6%). Điều này chứng tỏ, khi có trình độ học vấn phổ thông trung học, vợ chồng tìm kiếm các ngành nghề phi nông, dịch vụ để làm ăn, tạo thu nhập cao hơn cho gia đình.

Bảng 1: Mức độ tham gia vào công việc sản xuất trong gia đình, giới tính người trả lời (%)

	Làm ruộng		Chăn nuôi		Buôn bán	
	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ
Chồng	42 38,5%	15 25,0%	2 2,1%	2 3,8%	1 16,7%	1 6,3%
Vợ	18 16,5%	16 22,2%	49 51,0%	34 65,4%	4 66,7%	12 75,0%
Cả 2	48 44,0%	32 44,4%	41 42,7%	14 26,9%	1 16,7%	1 6,3%
Người khác	1 9%	7 8,4%	4 4,1%	2 3,8%		2 12,5%
Tổng cộng	100	100	100	100	100	100

Vợ và chồng có trình độ tiểu học có tỷ lệ buôn bán 8,3% trong khi đó vợ chồng có trình độ phổ thông trung học tỷ lệ trên là 25,0%. Tương tự vợ chồng làm dịch vụ cũng có tỷ lệ chênh lệch khá rõ (20% với 33,3%).

Tỷ lệ phụ nữ làm là chính ở một số ngành nghề là khá cao, có ngành nghề vượt trội hơn nam giới, cụ thể buôn bán, dịch vụ.

Bảng 2: Người làm chính một số công việc trong gia đình (%)

Loại việc	Người làm chính				
	Vợ	Chồng	Cả 2	Con trai	Con gái
Buôn bán	72,7	9,1	9,1		9,1
Dịch vụ	34,8	26,1	21,7	13,0	4,1

Sự tham gia vào nhóm nghề dịch vụ, buôn bán của người vợ tuy có cao hơn người chồng, nhưng thực tế tại địa phương cho thấy, phụ nữ thường làm các dịch vụ buôn bán nhỏ, nếu như nam giới thường làm các dịch vụ cơ khí sửa chữa máy móc, hoặc các đại lý lớn thì phụ nữ thường làm các dịch vụ buôn bán nhỏ: dịch vụ xay sát, buôn bán tạp hóa, phế liệu, các dịch vụ giải khát ăn uống v.v...

Việc tiếp cận vai trò của phụ nữ trong việc tham gia các hoạt động kinh tế ngoài nông nghiệp, khu vực kinh tế phi chính thức trong thời kỳ chuyển đổi cho thấy: Để tìm ra cơ hội kiếm sống, đảm bảo sự tồn tại, và đứng vững được ở khu vực này, người phụ nữ phải biết tính toán, nhanh nhạy, nếu không rất khó "cạnh tranh" để tồn tại.

Những công việc ở khu vực kinh tế phi chính thức thường rất đa dạng song không ổn định như công việc nhà nông (trồng trọt chăn nuôi), nhưng thu nhập lại cao hơn nếu như biết tạo ra cung cách làm ăn và nắm bắt được nhu cầu của bà con ở địa phương.

Ở các vùng nông thôn Quảng Ngãi hiện nay, việc phụ nữ đi làm ăn xa ở các tỉnh phía trong, như Đắc Lắc, Bình Thuận và đặc biệt thành phố Hồ Chí Minh đang là vấn đề rất đáng lưu ý. Qua báo cáo của Ủy ban nhân dân xã Nghĩa Kỳ và xã Tịnh Khê, vài năm trở lại đây, những lúc nhà nông nhàn rỗi, người phụ nữ đã chấp nhận để lại con và công việc gia đình cho người chồng để đi làm ăn xa. Có hộ gia đình, cả hai vợ chồng cùng đi, gửi lại con cho ông bà nội, hoặc ngoại, chăm sóc hộ. Có người đi làm xa thường xuyên hàng năm, chỉ về vào dịp lễ tết, hoặc khi gia đình có công việc đột xuất. Hiện nay Quảng Ngãi có tới 23.041 chị em phụ nữ rời nhà đi làm ăn xa, vào tận thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh phía Nam để buôn bán nhỏ, bán vé số, bán hàng rong. Số phụ nữ đi làm xa, theo mùa vụ có thời gian lên tới 50 - 60%. Có thể tham khảo một nghiên cứu di dân theo mùa từ nông thôn ra thành thị ở hai xã Tịnh Thọ (Sơn Tịnh) và Đức Phong (Mộ Đức) thuộc tỉnh Quảng Ngãi.

Kết quả nghiên cứu điều tra nhanh về di dân theo mùa, cho thấy:

Có khoảng 85% hộ gia đình ở Tịnh Thọ và Đức Phong có người di dân theo mùa từ 3 đến 6 tháng mỗi năm. Trong đó phụ nữ chiếm 70% tổng số người di dân ở cả 2 xã, 90% lao động di dân theo mùa có trình độ học vấn tiểu học hay trung học cơ sở. Tuy nhiên có khoảng 10% lao động di dân theo mùa có trình độ học vấn trung học phổ thông, họ làm các việc lao động phổ thông. Thu nhập bình quân mỗi lao động từ 600.000 đồng đến 700.000đ/tháng. Có 90% hộ gia đình được nghiên cứu nói mục đích di dân theo mùa của họ là để tăng thu nhập cho gia đình. Có 85% hộ gia đình nói rằng họ muốn ở nhà nếu họ tìm được việc làm với thu nhập bằng 2/3 thu nhập họ kiếm được khi di dân theo mùa.¹

Do trình độ học vấn thấp nên người phụ nữ không có cơ hội để tìm kiếm những việc làm có thu nhập cao, họ chấp nhận làm việc tập trung vào khu vực ngành nghề có thu nhập thấp, lao động thô sơ và nặng nhọc. Mong sao có thu nhập để trang trải chi tiêu học hành cho con cái và tích lũy để tu sửa nhà cửa. Thực tế này hiện nay là khá phổ biến ở nông thôn Quảng Ngãi. Đồng chí N.V.H. (Bí thư Đảng ủy xã Nghĩa Kỳ), đã nhận xét: "Phần lớn những chị em nông thôn có trình độ học vấn thấp thường phải lao động nặng nhọc và giá trị ngày công không cao, nhưng rõ ràng để duy trì cuộc sống của các gia đình nông hiện nay không thể thiếu những đóng góp từ phía người vợ".

Ngoài các hoạt động sản xuất trực tiếp phụ nữ nông thôn Quảng Ngãi đang phải đảm nhận phần lớn các hoạt động cần thiết cho việc tái sản xuất sức lao động. Có thể nói phân công lao động trong gia đình, công việc nấu ăn, đi chợ mua bán thức ăn là lĩnh vực ít có sự thay đổi (so với sự phân công truyền thống). Đối với công việc này trình độ học vấn không ảnh hưởng nhiều lắm, vì quan niệm xã hội và gia đình đều cho rằng "Nội trợ là thiên chức" của phụ nữ. Ở trình độ tiểu học có 93,6% người nấu ăn chính trong gia đình là người vợ, tỷ lệ này ở trình độ phổ thông cơ sở là 95,3% và trình độ trung học phổ thông là 84,4%.

¹ Nguồn: Chương trình phát triển nông thôn Quảng Ngãi - giai đoạn 1 (2001) *Báo cáo nghiên cứu về phát triển xã hội và giới tính*. Do cán bộ tư vấn và quản lý dự án soạn thảo.

2. Học vấn ảnh hưởng đến quyền ra quyết định một số công việc trong gia đình

Dù vai trò kinh tế của phụ nữ nông thôn Quảng Ngãi rất quan trọng như trên đã nêu, nhưng sự phân công lao động theo giới trong gia đình cũng diễn ra với quyền quyết định các vấn đề trong sản xuất khác nhau giữa vợ và chồng. Người vợ giữ quyền quyết định trong các khâu giống vật nuôi và bán sản phẩm. Người chồng quyết định khâu giống cây trồng và vay vốn (xem bảng 3). Học vấn của người phụ nữ nông thôn càng cao thì quyền quyết định càng lớn trong những lĩnh vực này.

Bảng 3 : Người quyết định chọn giống cây trồng, vật nuôi, bán sản phẩm (%)

Người quyết định Chọn	Chồng	Vợ	Cả 2	Con trai	Con gái	Người khác
Giống cây trồng	59,7	19,5	18,2	1,3		1,3
Giống vật nuôi	28,4	40,3	27,8	1,1	1,7	0,6
Bán sản phẩm	11,4	50,6	34,2	0,6	1,3	1,9

Người phụ nữ nông thôn hiện nay, tham gia vào tất cả các quá trình sản xuất nông nghiệp, song vấn đề chọn giống cây trồng trong gia đình người nam giới tỏ ra có ưu thế mạnh hơn. Đối với việc chọn giống vật nuôi, bán sản phẩm, người phụ nữ có tỷ lệ ra quyết định cao hơn nam giới, có thể vì họ là người tham gia chính vào công việc chăn nuôi tại hộ gia đình.

Từ các số liệu cụ thể trên cho thấy, riêng sản xuất chăn nuôi, phụ nữ tham gia như một lực lượng cơ bản, đóng vai trò to lớn trong việc ra các quyết định: từ chọn giống vật nuôi, chăm sóc chúng hàng ngày, đến khi mang ra chợ bán.

Trình độ học vấn của người phụ nữ ảnh hưởng đến quyền quyết định chọn giống vật nuôi trong gia đình: tiểu học (32,9%), trình độ trung học phổ thông (56,1%) và quyền quyết định bán sản phẩm trong gia đình: tiểu học (47,5%); trung học phổ thông (59,5%).

Xu hướng dân chủ hóa trong gia đình với sự bàn bạc và quyết định của cả hai vợ chồng tăng lên và đang chiếm ưu thế ở nhiều lĩnh vực quan trọng của đời sống gia đình như: quyết định số con, mua sắm tài sản có giá trị, chi tiêu cho việc học tập của con cái ...

Học vấn của phụ nữ nông thôn càng cao thì sự bàn bạc dân chủ cùng quyết định giữa hai vợ chồng càng lớn (Xem bảng 4).

Học vấn có vai trò quan trọng trong việc nâng cao quyền quyết định trong gia đình của phụ nữ nông thôn Quảng Ngãi và có tác động sâu sắc tới xu hướng dân chủ hóa trong việc ra quyết định những vấn đề quan trọng trong gia đình.

Kết quả ở bảng 4 cho thấy: người chồng quyết định một số vấn đề trong gia đình vẫn cao hơn, điều này cho thấy mô hình phân công theo truyền thống vẫn còn nặng nề ở nông thôn Quảng Ngãi. Đa số người chồng quyết định công việc vay vốn

(60%) trong khi đó tỉ lệ này ở người vợ là rất khiêm tốn (12,5%). Người chồng đóng vai trò chủ hộ được Ủy ban xã công nhận (điều này là phổ biến ở các hộ gia đình trên địa bàn khảo sát) nên họ có quyền vay vốn, tiện lợi cho việc thế chấp ngân hàng, trong khi đó người vợ rất ít khi được làm chủ hộ.

Bảng 4: Người quyết định chính các công việc của gia đình dựa theo học vấn của người trả lời (%)

		Học vấn người trả lời		
		Tiểu học	Trung học cơ sở	Phổ thông trung học
Vay vốn	Chồng	60.0	57.4	47.3
	Vợ	12.5	7.4	10.9
	Cả hai	27.5	35.2	38.2
	Người khác			1.8
Số con	Chồng	15.6	19.0	15.5
	Vợ	19.7	12.7	6.9
	Cả hai	64.8	68.4	77.6
Mua sắm Tài sản có giá trị	Chồng	45.3	38.4	23.7
	Vợ	18.2	4.7	8.5
	Cả hai	36.5	55.8	64.4
	Người khác		1.2	1.7
Chi tiêu học tập cho con	Chồng	13.3	20.5	8.2
	Vợ	39.0	30.8	26.5
	Cả hai	47.6	48.7	65.3

Tuy nhiên, có điều đáng lưu ý khi trình độ học vấn được nâng lên, tỉ lệ hai vợ chồng cùng quyết định cũng tăng theo (27% và 38,2%). Riêng việc quyết định số con, người vợ có tỉ lệ cao hơn chồng (19,5% so với 15,6%), điều này cho thấy đã có một sự chuyển biến khá sâu sắc trong nhận thức của người phụ nữ.

*
* *

Có thể nhận xét rằng, trình độ học vấn có ảnh hưởng đáng kể đến vấn đề bàn bạc dân chủ trong gia đình, so với gia đình truyền thống, đây là một chỉ báo rất đáng được ghi nhận.

Người phụ nữ tham gia vào việc ra quyết định trong các hộ gia đình nông thôn hiện nay, phần nào thể hiện được vai trò của họ trong gia đình. Những số liệu nêu trên phần nào nói lên được vị thế người phụ nữ trong gia đình đang dần được thay đổi, trình độ học vấn cao có ảnh hưởng rõ rệt đến quyền ra quyết định của phụ nữ.

Xu hướng cùng chia sẻ, cùng bàn bạc, cùng quyết định trong gia đình thể hiện rất rõ ở những người có trình độ học vấn trung học phổ thông.

Việc nâng cao vai trò vị thế của người phụ nữ trong giai đoạn hiện nay là rất quan trọng. Học vấn của người phụ nữ sẽ là những tác nhân góp phần làm thay đổi vai trò vị thế của họ trong gia đình. Đây vừa là thực tế, vừa là một sự phù hợp với tiến trình phát triển của xã hội, là bước khởi đầu cho quá trình chuyển đổi, phân công lại lao động trong tương lai khi mà cả vợ và chồng cùng san sẻ trách nhiệm với nhau trong gia đình.

Từ số liệu điều tra cho thấy trình độ học vấn có ảnh hưởng rất rõ đến sự tham gia và quyền ra quyết định trong gia đình. Song trên thực tế hiện nay trình độ học vấn của phụ nữ nông thôn vẫn thấp so với nam và so với phụ nữ đô thị. Nếu không có mặt bằng trình độ học vấn nhất định, chị em không thể có điều kiện hòa nhập vào công cuộc đổi mới của đất nước hiện nay. Cũng qua kết quả của cuộc điều tra, phụ nữ nông thôn hiện nay rất khó khăn trong việc nâng cao học vấn của mình. Ngoài thời gian tham gia lao động sản xuất, buôn bán, làm thuê tăng thu nhập, họ phải lo công việc chợ búa nấu ăn, chăm sóc cho cả nhà. Công việc "truyền thống" này hầu như rất ít được người chồng chia sẻ. Mọi thành viên trong gia đình, trong cộng đồng đều coi đây là "thiên chức" của phụ nữ. Đặc biệt đối với nông thôn, phần đa người dân không chấp nhận việc người chồng chia sẻ công việc nội trợ cùng với vợ. Có lẽ đây cũng là một trong những nguyên nhân cơ bản cản trở làm cho số đông phụ nữ ít khi nghĩ đến việc đi học thêm nâng cao trình độ (khi đã có chồng có con). Do đó, cần có sự hỗ trợ tích cực từ các chính sách của Đảng và Nhà nước, từ các cấp chính quyền cơ sở, từ các đoàn thể đặc biệt là Hội phụ nữ để người phụ nữ nông thôn có cơ hội nâng cao trình độ học vấn.

TRÊN GIÁ SÁCH CỦA NHÀ XÃ HỘI HỌC

Tạp chí Xã hội học đã nhận được sách của các nhà xuất bản, các tác giả sau đây gửi tặng.

Cám ơn các nhà xuất bản, các tác giả và trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc.

TẠP CHÍ XÃ HỘI HỌC

- **ĐỖ MINH CƯỜNG - NGUYỄN THỊ ĐOAN: Phát triển nguồn nhân lực giáo dục đại học Việt Nam.** Nxb Chính trị Quốc gia. 2001, 212 tr.
- **PHẠM HỮU DẬT: Mấy vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến mối quan hệ dân tộc hiện nay.** Nxb Chính trị Quốc gia, 2001, 365 tr.
- **KHÔNG DIỄN (chủ biên): Dân số kế hoạch hóa gia đình các dân tộc ở Hoà Bình.** Nxb Khoa học xã hội. 2001, 232 tr.
- **PHẠM MINH HẠC: Nghiên cứu con người và nguồn nhân lực đi vào công nghiệp hóa, hiện đại hóa.** Nxb Chính trị Quốc gia. 2001, 338 tr.
- **LƯƠNG VIỆT HẢI: Hiện đại hóa xã hội: một số vấn đề về lý luận và thực tiễn.** Nxb Khoa học xã hội. 2001, 406 tr.
- **LƯU ĐỨC HẢI – NGUYỄN NGỌC SINH: Quản lý môi trường trong sự phát triển bền vững.** Nxb Đại học Quốc gia. 2001, 338 tr.
- **LÊ NHƯ HOA (chủ biên): Văn hóa ứng xử các dân tộc Việt Nam.** Nxb Văn hóa thông tin. 2002, 394 tr.

(Xem tiếp trang 92)